

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 178/2023/DS-GĐT

Ngày: 11/8/2023

V/v “*Kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Bằng, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Kiện đòi tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp BH, xã BĐ, thị xã T, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số Xii Tổ V1, Khu phố V, phường UH, thị xã T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện BĐ, tỉnh BT;

Tạm trú: Tổ 6, Khu phố 5, phường UH, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 25/7/2013, bà cho bà Phan Thị Kim H (vợ ông Nguyễn Hữu T1) mượn số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn 10 tháng kể từ ngày 25/7/2013. Nội dung giấy mượn tiền ngày 25/7/2013 là nhằm mục đích tu sửa hai chiếc xe du lịch, là tài sản chung của vợ chồng bà H, ông T1 nhưng chỉ có bà H ký tên và nhận tiền.

Hết thời hạn thỏa thuận, ông T1 không thanh toán. Năm 2017, bà khởi kiện bà H nhưng bà H chuyển hộ khẩu về tỉnh BT nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay bà khởi kiện lại, yêu cầu ông T1, bà H liên đới thanh toán cho bà số tiền còn lại là 476.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Kim H trình bày:

Bà và bà T có quen biết từ năm 2013 và có quan hệ vay tiền nhiều lần. Vì không có khả năng trả các khoản nợ trước đó nên bà T lập giấy mượn tiền đề ngày 25/7/2013 với số tiền 500.000.000 đồng. Bà thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà nhưng không đồng ý với nội dung mượn tiền để sửa xe ô tô như bà T viết trong giấy mượn tiền, mà mượn tiền là để chơi hụi. Việc bà vay tiền của bà T chồng bà là ông Nguyễn Hữu T1 không biết.

Năm 2015 do vợ chồng bà mâu thuẫn nên bà chuyển về tỉnh BT sinh sống. Sau khi bà H trở về nhà tại phường UH, thị xã T, bà đã trả cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến nay đã trả được 24.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 476.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của bà H, không liên quan gì đến ông Nguyễn Hữu T1, bà đồng ý trả cho bà T số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 09/12/2021, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B đã tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn Hữu T1.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với bà Phan Thị Kim H. Buộc bà Phan Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T 476.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2021, bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 208/2022/DS-PT ngày 13/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh B quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T. Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Kim H. Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Phan Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị T 472.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thi hành án.

Ngày 20/10/2022, ông Nguyễn Hữu T1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm.

Tại Quyết định số 139/QĐ-VKS-DS ngày 14/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm sửa Bản án dân sự phúc thẩm số 208/2022/DS-PT ngày 13/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh B theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn Hữu T1; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với bà Phan Thị Kim H. Buộc bà Phan Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T 472.000.000 đồng.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành

phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Vào thời điểm xác lập quan hệ vay tài sản với bà Phạm Thị T thì bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu T1 là vợ chồng, cùng chung sống tại địa chỉ 322/1 Tổ 6, Khu phố 5, phường UH, thị xã T, tỉnh B.

[2] Bà T khởi kiện, cung cấp chứng cứ là giấy vay nợ ngày 25/7/2013, số tiền bà H vay là 500.000.000 đồng. Số tiền và giấy nợ này được bà H thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Bà H thừa nhận có vay tiền của bà T, có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 25/7/2013 nhưng bà cho rằng: Nội dung mục đích vay để sửa chữa ô tô ghi trong giấy là không chính xác, thực tế bà vay tiền của bà T để cho vay lại lấy lời và cung cấp giấy mượn tiền ngày 15/02/2013 của bà Đỗ Thị Thu Tr (thường gọi là Gi) có nội dung bà Tr mượn tiền của bà H 250.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 19/3/2013 của bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 100.000.000 đồng và bà xác định chỉ một mình bà có trách nhiệm trả nợ cho bà T, không liên quan đến ông T1. Tuy nhiên, bà H có những lời khai mâu thuẫn với nhau về mục đích sử dụng số tiền vay, lúc thì bà khai là vay để chơi hụi, lúc thì bà lại khai là vay để cho vay lại... Mặt khác, các giấy vay nợ của bà H với bà Đỗ Thị Thu Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ H có trước khi bà H vay tiền của bà T nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của bà H.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không có mặt và không có ý kiến gì. Tại Đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm đề ngày 24/10/2022, ông T1 trình bày: *“...bà H chưa đưa cho tôi một đồng tiền nào từ việc vay mượn tiền nêu trên, hay đưa tiền cho tôi sửa chữa ô tô hay phục vụ gì cho gia đình..”* nên không chấp nhận liên đới với bà H trả nợ cho bà T. Như vậy, có cơ sở xác định ông T1, bà H có mở dịch vụ vận tải cho thuê xe ô tô và chạy xe ô tô như lời trình bày của bà H, bà T.

[5] Mặc dù Giấy mượn tiền ngày 25/7/2013 không có chữ ký của ông Nguyễn Hữu T1 nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H, ông T1 và được sử dụng vào mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh chung của gia đình, cụ thể là dùng để sửa xe ô tô dùng cho mục đích kinh doanh của ông T1, bà H. Hơn nữa, tại “Giấy trả nợ” ngày 25/10/2020, bà H vẫn khẳng định khoản nợ theo giấy mượn tiền ngày 25/7/2013 là nợ chung của gia đình. Theo quy định tại Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì bà H và ông T1 phải chịu trách nhiệm chung đối với khoản nợ của bà T. Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông T1, bà H liên đới thanh toán số tiền còn nợ bà T là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng nghị số 139/QĐ-VKS-DS ngày 14/6/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 208/2022/DS-PT ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử vụ án “Kiện đòi tài sản” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị T với bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim H.

2/ Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Vụ PC&QLKH;
- TAND tỉnh B;
- TAND TX. T;
- Chi cục THADS TX. T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKT III, HS; THS (THB).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân